|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TỈNH NINH BÌNH****THPT TẠ UYÊN - ĐỀ SỐ 4** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH****Năm học 2024-2025****Môn: Địa lí***Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |
| *(Đề thi gồm 28 câu, trong 04 trang)* |  |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**Câu 1:** Du lịch nước ta hiện nay được áp dụng nhiều công nghệ nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** hội nhập quốc tế, tăng cường quảng bá. **B.** mở rộng thị trường, hoàn thiện hạ tầng.

**C.** nâng cao chất lượng, thu hút du khách. **D.** đa dạng sản phẩm, tăng cường liên kết.

**Câu 2:** Nguyên nhân chủ yếu về mặt tự nhiên dẫn đến suy giảm rừng ở Tây Nguyên hiện nay là

**A.** nhiệt độ có xu hướng tăng, nguồn nước giảm. **B.** nước ngầm giảm, Tín phong thổi quanh năm.

**C.** đặc điểm rừng, thời tiết diễn biến bất thường. **D.** có đất đai khô cằn, xâm nhập mặn diện rộng.

**Câu 3:** Ý nghĩa chủ yếu của chế biến đối với nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộlà

 **A.** phát huy thế mạnh, thu hút lao động. **B.** đa dạng sản phẩm, mở rộng sản xuất.

**C.** phát triển thương hiệu, tạo việc làm. **D.** nâng cao giá trị, thúc đẩy xuất khẩu.

**Câu 4:** Mục đích chủ yếu của phát triển các ngành công nghệ cao ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay là

**A.** sản xuất hàng hóa, giải quyết việc làm và nâng cao mức sống.

**B.** khai thác hợp lí các thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.

**C.** tăng trưởng kinh tế, phát triển nhiều ngành, liên kết nội vùng.

**D.** thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, sử dụng hiệu quả nguồn lực.

**Câu 5:** Các khó khăn chủ yếu tác động đến du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

**A.** biến đổi khí hậu, ít lao động chất lượng cao, vấn đề ô nhiễm không khí.

**B.** thiếu vốn, chưa có đường bộ cao tốc, chưa phát huy được liên kết vùng.

**C.** sản phẩm du lịch trùng lặp, hạ tầng giao thông và nhân lực còn hạn chế.

**D.** xâm nhập mặn, cơ sở lưu trú chưa được đầu tư, sản phẩm chưa đa dạng.

**Câu 6:** Giải pháp chủ yếu để khai thác thế mạnh về thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

**A.** mở rộng thị trường, sản xuất chuyên môn hóa, liên kết với các vùng.

**B.** sản xuất trang trại, gắn với chế biến, phát triển khu kinh tế ven biển.

**C.** đẩy mạnh đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng đầu ra cho sản phẩm.

**D.** áp dụng kĩ thuật mới, thu hút đầu tư, nâng cấp công suất tàu thuyền.

**Câu 7:** Biện pháp chủ yếu để trồng cây lương thực theo hướng bền vững ở nước ta là

**A.** mở rộng thị trường, thúc đẩy chế biến. **B.** canh tác hữu cơ, ứng dụng công nghệ.

**C.** sản xuất trang trại, hoàn thiện hạ tầng. **D.** tăng liên kết vùng, hội nhập toàn cầu.

**Câu 8:** Mục đích của việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm xuất khẩu ở nước ta là

**A.** tăng cường sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập, nâng cao sản lượng.

**B.** nâng cao giá trị, đổi mới công nghệ, tăng cường công nghiệp hóa.

**C.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập, tăng vận tải biển.

**D.** nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị, mở rộng thị trường.

**Câu 9:** Ý nghĩa chủ yếu của kinh tế trang trại trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta là

**A.** tạo sản phẩm hàng hóa, đảm bảo lương thực. **B.** gắn với chế biến và tiêu thụ, mở rộng liên kết.

**C.** phát huy lợi thế so sánh, phát triển bền vững. **D.** tăng chất lượng nông sản, thúc đẩy xuất khẩu.

**Câu 10:** Đường sắt đô thị nước ta có vai trò chủ yếu đối với

**A.** vận chuyển hàng hóa từ trung tâm ra ngoại ô. **B.** thúc đẩy các ngành công nghệ cao phát triển.

**C.** giải quyết các vấn đề giao thông, môi trường. **D.** nâng cao thu nhập, mức sống cho người dân.

**Câu 11:** Phát biểu nào sau đây đúng về lâm nghiệp nước ta hiện nay?

**A.** Tây Nguyên có tỉ lệ che phủ rừng lớn nhất. **B.** Diện tích rừng trồng lớn hơn rừng tự nhiên.

**C.** Rừng tự nhiên nhiều nhất ở Đông Nam Bộ. **D.** Phát triển ổn định, lượng gỗ khai thác tăng.

**Câu 12:** Đầu tư nước ngoài thúc đẩy xuất khẩu của nước ta phát triển chủ yếu do

**A.** phát triển khu chế xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa.

**B.** mở rộng thị trường, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

**C.** thay đổi cơ cấu hàng hóa, hình thành vùng kinh tế mới.

**D.** đảm bảo số lượng hàng xuất khẩu, đổi mới các thiết bị.

**Câu 13:** Tỉ lệ thất nghiệp ở nước ta hiện nay vẫn còn cao chủ yếu do

**A.** lao động kỹ thuật ít, công nghiệp còn hạn chế. **B.** lao động tăng, kinh tế còn chậm phát triển.

**C.** dân cư nông thôn đông, ít hoạt động dịch vụ. **D.** đô thị mở rộng, đất nông nghiệp bị thu hẹp.

**Câu 14:** Cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

1. ứng dụng khoa học kĩ thuật, giải quyết việc làm cho người dân.
2. công nghiệp chế biến, hình thành các thể tổng hợp nông nghiệp.
3. việc hình thành vùng chuyên canh, nhu cầu lớn cho xuất khẩu.
4. nhu cầu tăng cao của thị trường, sản xuất theo hướng hàng hóa.

**Câu 15:** Việc phát triển kinh tế liên hoàn nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích nào sau đây?

1. Khai thác tốt hơn các thế mạnh, hình thành cơ cấu ngành và tạo ra nhiều hàng hóa.
2. Thu hút nguồn vốn đầu tư, khai thác tiềm năng tự nhiên và đổi mới trong sản xuất.
3. Phát triển lãnh thổ kinh tế, phân bố lại lao động và tạo liên kết các khu vực kinh tế.
4. Đa dạng hóa sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tạo thêm nhiều việc làm mới.

**Câu 16:** Chế độ nước của sông ngòi nước ta có sự khác nhau giữa các vùng chủ yếu do

 **A.** địa hình cắt xẻ, lượng mưa lớn kết hợp với hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

 **B.** độ cao, độ dốc địa hình kết hợp với hoàn lưu khí quyển và dải hội tụ nhiệt đới.

 **C.** địa hình kết hợp với hoàn lưu khí quyển và hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

 **D.** hoạt động của gió mùa kết hợp với địa hình nhiều đồi núi và áp thấp nhiệt đới.

**Câu 17:** Thiên nhiên vùng núi Tây Bắc khác với vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động kết hợp của

 **A.** gió theo hướng tây nam, gió theo hướng đông bắc và độ cao địa hình.

 **B.** Tín phong bán cầu Bắc, độ dốc các sườn núi, hướng và độ cao dãy núi.

 **C.** độ cao địa hình, hướng các dãy núi, hoạt động của hoàn lưu khí quyển.

 **D.** gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, độ dốc các sườn núi và áp thấp.

**Câu 18:** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự đa dạng về đất ở nước ta là do

 **A.** lịch sử hình thành qua nhiều giai đoạn tạo các nền địa chất khác nhau,

 **B.** quá trình phong hóa diễn ra không đồng nhất giữa các vùng đồi và núi.

 **C.** sự phân hóa phức tạp của khí hậu cùng với sự đa dạng sinh vật, đá mẹ.

 **D.** việc khai thác và sử dụng đất của con người khác nhau giữa các vùng.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1**: Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Cho đọan thông tin:

Nhiều tỉnh, thành miền Bắc hôm nay có mưa, nền nhiệt các thành phố phổ biến không quá 25 đô C, trời lạnh.Trong khi Nam Bộ nắng nóng, nhiệt độ toàn miền 32 - 36 độ **C*.***

*(Nguôn:vtv.vn)*

**a)** Ðoạn thông tin trên diễn ra vào khoảng tháng 7.

**b)** Ðoạn thông tin tiêu biểu cho sự phân hóa khí hâu theo chiều đông - tây.

**c)** Gió mùa Ðông Bắc là nguyên nhân chủ yếu khiến miền bắc trời lạnh.

**d)** Giai đoạn này miền Nam đang chịu ảnh hưởng của gió tín phong là chủ yếu.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Ngành thủy sản Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển đồng bộ cả trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng và chế biến, cũng như các dịch vụ phụ trợ kèm theo như đóng, sửa chữa tàu, … Tuy nhiên, đóng góp cho nền kinh tế biển tập trung chủ yếu vào khai thác và chế biến; nuôi trồng trên biển còn nhỏ lẻ, chủ yếu là nuôi trên đất liền.

**a)** Tiềm năng phát triển ngành khai thác thủy sản ở nước ta tập trung chủ yếu ở các ngư trường nội địa.

**b)** Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản nước ta ngày càng thuận lợi chủ yếu do mở rộng chế biến và phát triển đa dạng dịch vụ thủy sản.

**c)** Giải pháp để nâng cao hiệu quả của ngành thủy sản nước ta hiện nay là đầu tư hạ tầng, thu hút vốn, phát triển đồng đều giữa các vùng.

**d)** Việc đẩy mạnh phát triển đồng bộ ngành thủy sản nước ta mang lại ý nghĩa là đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm, tạo hàng xuất khẩu.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Đô thị hóa là động lực phát triển kinh tế của cả nước và các địa phương. Năm 2021, mặc dù chỉ chiếm 36,2% số lao động đang làm việc của cả nước nhưng đô thị đóng góp tới 70% GDP, tạo nguồn thu chủ yếu cho ngân sách. Trình độ đô thị hóa càng cao, tỉ lệ lao động đô thị càng lớn thì đóng góp cho GDP càng nhiều, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh.

**a)** Các đô thị nước ta tập trung lực lượng lao động có trình độ cao nên có khả năng tạo ra năng suất lao động lớn.

**b)** Các đô thị có khả năng tạo ra khối lượng việc làm lớn cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

**c)** Để khắc phục những hậu quả về mặt xã hội và môi trường do dân số tập trung đông ở các đô thị gây ra cần phát triển mạnh mẽ các đô thị có qui mô lớn.

**d)** Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế ở các đô thị nước ta có sự chuyển dịch chủ yếu do nguồn lao động đông, chất lượng nâng lên.

**Câu 4**: **Cho thông tin sau:**

 Khí hậu có tính chất cận xích đạo, có sự phân hóa theo mùa rõ rệt. Do ảnh hưởng của độ cao nên các khu vực địa hình trên 1 000 m có khí hậu mát mẻ. Vì thế, vùng có thể đa dạng hóa cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới ( cà phê, cao su, hồ tiêu,...), cây có nguồn gốc cận nhiệt ( chè, cây dược liệu...) và phát triển du lịch.

 **a)** Cây công nghiệp lâu năm của Tây Nguyên chủ yếu là cây ưa nhiệt.

 **b)** Mùa khô sâu sắc kéo dài là nhân tố khó khăn chủ yếu cho sản xuất nông sản ở Tây Nguyên.

 **c)** Do có mưa vào thu đông nên Tây Nguyên cần phát triển thủy lợi hợp lí nhằm phát triển nông nghiệp hiệu quả.

 **d)** Nguyên nhân đe dọa xói mòn đất nếu mất thực vật ở Tây Nguyên chủ yếu là sự đắp đổi giữa mùa khô kéo dài và mùa mưa.

**→ Đáp án: a,b,d đúng; c : sai.**

**PHẦN 3 Trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Nhiệt độ *0C)* | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,2 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 |
| Lượng mưa *(mm)* | 13,8 | 4,1 | 10,5 | 50,4 | 218,4 | 311,7 | 293,7 | 269,8 | 327,0 | 266,7 | 116,5 | 48,3 |

 *(Nguồn: SGK Địa lí 12-Nâng cao, NXB Giáo dục 2007)*

Theo bảng số liệu, tổng lượng mưa các tháng hạn ở Thành phố Hồ Chí Minh là

**ĐA:** 28,4

**Câu 2.** Cho biểu đồ:



 *(Nguồn: Số liệu thống kê chủ yếu năm 2019, tổng cục thống kê)*

Căn cứ biểu đồ, tổng sản lượng tôm khai thác và nuôi trồng của Việt Nam năm 2019 là (*làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*

**ĐA:** 1036

**Câu 3.** Năm 2022, nước ta có tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa là 730,2 tỉ USD và cán cân thương mại là 12,4 tỉ USD. Tính tỉ lệ xuất nhập khẩu nước ta năm 2022. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị )*

**ĐA:** 103

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

 *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 3,3 | 9,4 | 11,7 |
| Đồng bằng sông Hồng | 28,5 | 32,4 | 37,9 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ | 8,6 | 8,6 | 9,7 |
| Tây Nguyên | 1,0 | 0,9 | 0,8 |
| Đông Nam Bộ | 49,0 | 39,5 | 31,7 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 9,6 | 9,2 | 8,2 |
| Cả nước (*nghìn tỉ đồng*) | 3045,6 | 6817,3 | 13026,8 |

 *(Nguồn: Sách Địa lí 12, Bộ sách Cánh Diều)*

Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng có tỉ trọng thấp nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo vùng nước ta năm 2021 gấp bao nhiêu lần năm 2010. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất )*

**ĐA:** 3,4

**Câu 5.** Cho biết nếu nhiệt độ trung bình năm của miền Nam là 250C thì tổng nhiệt lượng hoạt động trong cả năm là

**ĐA:** 9125

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

GDP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

*(Đơn vị: tỉ đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****GDP** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản | 421 253 | 489 989 | 535 022 | 565 987 |
| Công nghiệp, xây dựng | 904 775 | 1 778 887 | 2 561 274 | 2 955 806 |
| Dịch vụ | 1 113 126 | 2 190 376 | 2 955 777 | 3 365 060 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 300 689 | 470 631 | 629 411 | 705 470 |

*(Nguồn: Niên giám thống kế Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

GDP của nước ta năm 2020 tăng bao nhiêu % so với năm 2010? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**ĐA:** 177

…………HẾT………